

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 476/QĐ-ĐNT, ngày 30 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên bậc đại học được đào tạo theo hình thức chính quy từ khóa 2021. Các khóa trước 2021 vẫn áp dụng quy định số 06/QyĐ-ĐNT ngày 28/8/2013.

3. Những nội dung không đề cập trong quy định này sẽ áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo được công khai đối với người học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá để định hướng cho sinh viên.

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy là 3.5 năm;

b) Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học không quá 7 năm; Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

5. Việc điều chỉnh chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo mới sẽ áp dụng theo quy định riêng do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 6 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố trong một học kỳ. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Các loại học phần.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

c) Học phần tương đương, học phần thay thế.

- Học phần tương đương là học phần thuộc CTĐT của một khóa hoặc một ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường mà người học được phép tích lũy để thay thế cho học phần trong CTĐT của ngành đào tạo mình đang học.

- Học phần thay thế được sử dụng khi học phần có trong chương trình đào tạo (sau gọi tắt CTĐT) không còn tổ chức giảng dạy và được thay thế bằng một học phần khác còn đang tổ chức giảng dạy.

- Các học phần tương đương, học phần thay thế do trường khoa đề xuất, được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ áp dụng cho một số khóa, ngành.

d) Học phần tiên quyết

Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi điều kiện bắt buộc đăng ký học phần B là sinh viên đã tích lũy học phần A.

e) Học phần trước

Học phần A là học phần trước của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học phần B là sinh viên đã học học phần A. Sinh viên được phép đăng ký học phần B sau khi đã học xong học phần A.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập lớn. Một tiết học được tính bằng 50 phút. Trong đó, không quá 30% khối lượng kiến thức được giảng dạy bằng hình thức trực tuyến thông qua hệ thống quản lý học tập (LMS) của trường.

4. Tín chỉ làm cơ sở thu học phí:

Tín chỉ làm cơ sở để thu học phí là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy tính cho từng học phần. Học phí được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên được xếp thời khóa biểu trong học kỳ và bằng tổng số tín chỉ của các học phần nhân với mức tiền học phí trên 1 tín chỉ. Hàng năm trường sẽ quy định mức học phí tín chỉ cho từng bậc đào tạo và hệ đào tạo.

Điều 4. Áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ

1. Phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường;

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 5. Hình thức đào tạo

1. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo;

2. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ 45 giờ đến 21 giờ các ngày trong tuần.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học. Một năm học có 02 học kỳ chính (học kỳ I và II) và 01 học kỳ phụ (học kỳ III). Mỗi học kỳ chính có ít nhất 12 tuần thực học, học kỳ phụ có ít nhất 8 tuần thực học.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khoá biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khoá biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 10 tiết/tuần và 4 tiết/ngày.

Điều 7. Tổ chức lớp sinh viên, lớp học phần

1. Lớp sinh viên: là tổ chức tương đối ổn định, tập hợp các sinh viên cùng ngành/chuyên ngành, cùng khóa nhằm duy trì các sinh hoạt đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa thể dục thể thao và để quản lý sinh viên trong quá trình học tập.

2. Lớp học phần: Là lớp bao gồm các sinh viên đăng ký (hoặc được bố trí) học cùng 1 học phần, có cùng thời khóa biểu của học phần trong học kỳ. Mỗi lớp học phần có mã số riêng, có số lượng sinh viên tối thiểu được quy định như sau:

- Học phần ngoại ngữ: 40 sinh viên;
- Học phần chuyên ngành, học phần giảng dạy bằng ngoại ngữ: 60 sinh viên

- Các học phần chung, lý luận chính trị,...: 80 sinh viên
- Học phần thực hành phòng máy tính: 20 sinh viên;

Trong trường hợp đặc biệt, đối với các học phần chuyên ngành và học phần mà sinh viên đăng ký học trả nợ thì tối thiểu 20 sinh viên.

Điều 8. Trách nhiệm của sinh viên trong học tập

- a) Tìm hiểu, nghiên cứu để nắm vững CTĐT của khóa – ngành đào tạo, kế hoạch học tập từng học kỳ. Khi cần thiết sinh viên liên hệ với khoa, giảng viên cố vấn hoặc phòng chức năng để được hướng dẫn giúp đỡ.
- b) Thường xuyên theo dõi thông báo của trường, của khoa để thực hiện đúng các công việc về học vụ, nhất là về việc đăng ký học tập.
- c) Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các yêu cầu về học phần đã đăng ký học, tham dự đầy đủ các kỳ kiểm tra, thi cử, thực hành, thực tập đúng quy định.
- d) Tham gia các hoạt động đoàn thể, không ngừng rèn luyện đạo đức, lối sống phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành.
- e) Bảo mật các thông tin cá nhân, tài khoản cá nhân được trường cung cấp.
- f) Đóng học phí đúng quy định của trường.

Điều 9. Tổ chức đăng ký học tập

1. Thông báo đăng ký học phần

- a) Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, nhà trường thông báo cho sinh viên đăng ký học tập trên hệ thống đăng ký học phần của trường.
- b) Sinh viên học theo tín chỉ phải đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

2. Cách thức đăng ký học phần

- a) Sinh viên đăng ký học phần trực tuyến trên website đăng ký học phần của nhà trường trong thời gian quy định. Việc thay đổi, điều chỉnh học phần đã đăng ký cũng chỉ thực hiện trong phạm vi thời gian đó. Sau thời gian này, các học phần đã đăng ký được xem là những học phần chính thức sinh viên có trách nhiệm phải học tập, trừ các trường hợp đặc biệt sau đây sinh viên phải làm đơn trực tiếp gửi Phòng Đào tạo đại học để được xem xét điều chỉnh học phần:

- Danh sách học phần đã đăng ký hoàn toàn không phù hợp về ngành học, về môn học tiên quyết, môn học trước;

- Có sự nhầm lẫn khi đăng ký học phần đối với những học phần đã học và đã có điểm từ trung bình trở lên.

- Tổng số tín chỉ của các học phần đã đăng ký ít hơn số tín chỉ tối thiểu hoặc vượt so với quy định ở mỗi học kỳ.

3. Số tín chỉ học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- Không ít hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;

- Không vượt quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

Điều 10. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Nhà trường có cơ chế thanh tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

2. Dạy và học trực tuyến:

a) Là hoạt động dạy học được tổ chức thực hiện trên hệ thống dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến thay thế dạy học trực tiếp nhằm truyền đạt toàn bộ nội dung bài học hoặc chủ đề trong chương trình đào tạo mà sinh viên và giảng viên không cần lên lớp trực tiếp.

b) Tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng hình thức học trực tuyến tối đa là 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có quy định riêng về dạy và học trực tuyến.

c) Hoạt động dạy học trực tuyến

- Hoạt động dạy học trực tuyến được thực hiện theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình đào tạo, bảo đảm sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy học.

- Sinh viên học tập trực tuyến thực hiện các hoạt động chính sau: tham dự giờ học trực tuyến do giảng viên tổ chức; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của giảng viên; khai thác nội dung học tập từ học liệu dạy học trực tuyến; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với giảng viên và các sinh viên khác.

- Giảng viên dạy học trực tuyến thực hiện các hoạt động chính sau: tổ chức giờ học trực tuyến để giảng bài và hướng dẫn sinh viên học tập; giao nhiệm vụ học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên; theo dõi và hỗ trợ sinh viên khai thác nội dung học tập từ học liệu dạy học trực tuyến; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của sinh viên.

3. Phân công giảng viên phụ trách các lớp học phần

Việc phân công giảng viên phụ trách các lớp học phần do Trưởng khoa thực hiện và gửi danh sách về phòng Đào tạo đại học để đăng ký vào hệ thống quản lý đào tạo chung của Nhà trường. Việc thay đổi giảng viên phụ trách lớp học phần phải được sự đồng ý của trưởng khoa và trưởng phòng Đào tạo đại học.

4. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học của Trường và việc công khai ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, hình thức công khai... do phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng chủ trì và tổ chức thực hiện.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy:

- a) Chấp hành các quy chế, nội quy, quy định của Nhà trường và của đơn vị.
- b) Thực hiện nghiêm túc quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên.
- c) Tham gia quản lý người học và đóng góp trách nhiệm với cộng đồng.
- d) Được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ theo điều kiện của Nhà trường;
- e) Được hưởng các chế độ và quyền lợi theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 11. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần gồm điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10.

Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Riêng điểm thi cuối kỳ có tỉ trọng không dưới 50% tổng điểm học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận tốt nghiệp được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Bảng ghi điểm.

a) Bảng ghi điểm là biểu mẫu do trường phát hành dùng để ghi các cột điểm chính thức của một học phần. Bảng ghi điểm đồng thời là danh sách sinh viên tham dự quá trình đánh giá một học phần theo từng lớp, nhóm.

b) Các cột điểm chính thức được tính từ các điểm thành phần theo tỉ lệ ghi trong đề cương chi tiết học phần.

c) Phòng Đào tạo đại học lưu trữ và kiểm tra bảng ghi điểm gốc của học phần.

4. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này. Điểm thành phần được làm tròn đến 0.5; điểm tổng kết học phần được làm tròn đến 0.1.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A+: Từ 9.0 đến 10

A: Từ 8.5 đến 8.9

B+: Từ 8.0 đến 8.4

B: Từ 7.0 đến 7.9

C+: Từ 6.0 đến 6.9

C: Từ 5.5 đến 5.9

D+: Từ 5.0 đến 5.4

D: Từ 4.0 đến 4.9

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

5. Học lại và học cải thiện điểm:

a) Học lại:

- Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong CTĐT, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

- Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác của CTĐT theo quy định.

- Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

b) Học cải thiện:

Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm (trừ học phần đã được điểm A, B+, B). Điểm cao hơn trong các lần học là điểm chính thức của học phần.

6. Việc tổ chức thi cuối kỳ và tính điểm học phần thực hiện theo quy định riêng do Hiệu trưởng ban hành và phải phù hợp các nguyên tắc và yêu cầu như sau:

a) Nghiêm túc, khách quan, tin cậy và trung thực;

b) Công bằng đối với tất cả sinh viên trong lớp, giữa các lớp, các khoá học và các hình thức đào tạo.

Điều 12. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây. Điểm chữ được quy đổi sang điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4.

A+, A quy đổi thành 4.0;

B+ quy đổi thành 3.5;

B quy đổi thành 3.0;

C+ quy đổi thành 2.5;

C quy đổi thành 2.0;

D+ quy đổi thành 1.5;

D quy đổi thành 1.0;

F quy đổi thành 0.0.

3. Điểm trung bình học kỳ, trung bình năm học, trung bình tích lũy theo công thức sau và được làm tròn 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i x n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- A: điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học, trung bình tích lũy.
- a_i : điểm của học phần thứ i .
- n_i : số tín chỉ của học phần thứ i .
- n : số học phần.

4. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

5. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau (theo thang điểm 4):

Từ 3,6 đến 4,0:	Xuất sắc;
Từ 3,2 đến cận 3,6:	Giỏi;
Từ 2,5 đến cận 3,2:	Khá;
Từ 2,0 đến cận 2,5:	Trung bình;
Từ 1,0 đến cận 2,0:	Yếu;
Dưới 1,0:	Kém.

6. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;

Điều 13. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

- Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;
- Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;
- Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Quy định số lần cảnh báo học tập

Số lần cảnh báo học tập tối đa đối với mỗi sinh viên trong toàn khoá học bằng số năm của kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá (nếu số năm lẻ 0,5 thì quy tròn thành 1,0), nhưng không vượt quá 2 lần cảnh báo liên tiếp.

3. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Có số lần cảnh báo học tập hoặc mức cảnh báo học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này.

4. Quy trình, thủ tục cảnh báo học tập, buộc thôi học; việc thông báo hình thức áp dụng tới sinh viên do Phòng Đào tạo đại học chủ trì, phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo các bước như sau:

a) Khi có thông báo của Nhà trường, các khoa lập danh sách sinh viên thuộc diện bị cảnh báo học tập, buộc thôi học gửi về Đào tạo đại học;

b) Phòng Đào tạo đại học kiểm tra, rà soát các danh sách sinh viên thuộc diện bị cảnh báo học tập, buộc thôi học, tổng hợp, lập báo cáo trình Ban Giám Hiệu;

c) Nhà trường tổ chức họp với đại diện lãnh đạo, trợ lý đào tạo của các khoa, đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan và cố vấn học tập (nếu cần) để xem xét và thông qua danh sách sinh viên thuộc diện bị cảnh báo học tập, buộc thôi học;

d) Sau khi có quyết định về việc cảnh báo học tập, buộc thôi học đối với sinh viên, Phòng Đào tạo đại học phối hợp với các khoa gửi quyết định đến từng sinh viên có liên quan.

5. Trong trường hợp sinh viên bị buộc thôi học vì lý do cảnh báo kết quả học tập, kết quả học tập đã tích lũy của sinh viên được bảo lưu nếu sinh viên đăng ký dự thi/xét tuyển và trúng tuyển vào ngành đã học hoặc vào ngành khác của Nhà trường.

Điều 14. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Khoa chuyên môn của trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

3. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

Điều 15. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- d) Có các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với nhà trường.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá như sau (theo thang điểm 4):

- Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3.60 đến 4.00
- Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3.20 đến 3.59
- Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2.50 đến 3.19
- Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2.00 đến 2.49

Trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 16. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên được phép xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Quy chế của cơ sở đào tạo quy định cụ thể về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục xét nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học và cho thôi học; việc bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với sinh viên xin thôi học.

Điều 17. Chuyển ngành

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác của trường khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này;
- b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, trong cùng khóa tuyển sinh;
- c) Ngành hoặc chương trình đào tạo chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- d) Được sự đồng ý của trường các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Hiệu trưởng.

2. Sinh viên chuyển sang học chương trình hoặc ngành đào tạo mới sẽ được bảo lưu các học phần đã tích lũy thuộc chương trình hoặc ngành đào tạo cũ có nội dung và lượng kiến thức tương đương có trong chương trình hoặc ngành đào tạo mới.

3. Thủ tục xin phép chuyển ngành, chương trình:

a) Sinh viên phải làm đơn chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, có xác nhận của trưởng 2 khoa (nơi chuyển đi và chuyển đến) và nộp tại phòng Đào tạo đại học.

b) Trên cơ sở đơn của sinh viên, phòng Đào tạo đại học kiểm tra các điều kiện ở khoản 1 của Điều này để trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

2. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Nhà trường thông qua Phòng Đào tạo đại học;

b) Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận sinh viên xin chuyển đến; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình của trường sinh viên xin chuyển đi và chương trình tương ứng của Trường.

Điều 19. Học cùng lúc hai chương trình

1. Đối với phương thức đào tạo theo tín chỉ, sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của cơ sở đào tạo cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau và các điều kiện khác của cơ sở đào tạo:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muợn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

6. Nhà trường chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng về chỉ tiêu tuyển sinh, năng lực đào tạo; đồng thời có quy định chi tiết về quy trình, thủ tục, điều kiện đăng ký học và cấp bằng tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 20. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật. Nhà trường ban hành Quy định về đánh giá kiểm tra chất lượng học phần và có phần xử lý SV vi phạm kỷ luật phòng thi.

2. Sinh viên sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

3. Sinh viên đóng học phí muộn học kỳ nào sẽ bị đình chỉ thi, hủy điểm học phần (nếu đã thi học phần) của học kỳ đó. Sinh viên phải hoàn tất học phí để được đăng ký học phần của học kỳ tiếp theo.

4. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên tự ý bỏ học

5. Sinh viên tự ý bỏ học không có lý do chính đáng ở học kỳ nào sẽ bị đình chỉ học tập ở học kỳ đó. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải làm đơn gửi Hiệu trưởng xin tiếp nhận trở lại. Sinh viên bỏ học 2 học kỳ liên tiếp, nếu không có đơn xin tiếp nhận trở lại học tập, sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Nhà trường.

6. Quy trình xử lý kỷ luật sinh viên áp dụng theo quy định hiện hành của nhà trường.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị trong Trường

1. Lãnh đạo các khoa và các đơn vị có liên quan thuộc Trường có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến toàn thể cán bộ, viên chức thuộc đơn vị để biết và thực hiện; chủ trì và phối hợp thực hiện các công tác theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định của đơn vị.

2. Phòng Đào tạo đại học chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến nội dung Quy chế này đến sinh viên trong toàn Trường.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, các đơn vị kịp thời phản ánh về Phòng Đào tạo đại học để báo cáo Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.